

## WIDOW CHARACTER IN VIETNAMESE FOLK LITERATURE

Dang Quoc Minh Duong

*Faculty of Social Communication,*

*Van Hien University, Ho Chi Minh City, Vietnam*

\*Corresponding author: Dang Quoc Minh Duong,

e-mail: [duongdqm@vhu.edu.vn](mailto:duongdqm@vhu.edu.vn)

## NHÂN VẬT BÀ GÓA TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

Đặng Quốc Minh Dương

*Khoa Xã hội Truyền thông, Trường Đại học*

*Văn Hiến, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

\*Tác giả liên hệ: Đặng Quốc Minh Dương,

e-mail: [duongdqm@vhu.edu.vn](mailto:duongdqm@vhu.edu.vn)

Received June 14, 2024.

Revised July 18, 2024.

Accepted August 12, 2024.

Ngày nhận bài: 14/6/2024.

Ngày sửa bài: 18/7/2024.

Ngày nhận đăng: 12/8/2024.

**Abstract.** A widow is a woman whose husband has passed away and is living alone. In Vietnam, many women have to live in widowhood. The character of a widow is also reflected quite a lot in Vietnamese folk literature. In the genre of legends and fairy tales, the widow character appears in the image of a virtuous, faithful mother, who gives birth to national heroes. The image of a widow appears more often as a weak person - both physically and mentally. They are victims of greedy, lustful people, victims of feudal laws, and victims of prejudice. Due to prolonged repression and inhibition, many rebellious widow characters dare to live true to their sexual desires. Thus, the character of a widow has been portrayed quite clearly and multi-dimensionally.

**Keywords:** widow, virtue, victim, rebellion, folklore.

**Tóm tắt.** Bà góa là người phụ nữ có chồng đã mất, đang sống trong tình trạng độc thân. Ở Việt Nam có rất nhiều người phụ nữ phải sống trong cảnh góa bụa. Nhân vật bà góa cũng được phản ánh khá nhiều trong văn học dân gian người Việt. Trong thể loại truyền thuyết và cổ tích nhân vật bà góa xuất hiện trong hình ảnh của một người mẹ đức hạnh, thủy chung, là người sinh thành các anh hùng dân tộc. Hình ảnh bà góa xuất hiện nhiều hơn cả trong vai một người yếu đuối – cả về thể lý lẫn tinh thần. Họ là nạn nhân của các tay háo sắc, đâm mê sắc dục, là nạn nhân của pháp luật thời phong kiến, là nạn nhân của những thành kiến. Do bị dồn nén và ức chế kéo dài, có nhiều nhân vật bà góa nổi loạn, dám sống thật với những ham muốn tính dục của mình. Như vậy, nhân vật bà góa đã được dân gian khắc họa khá rõ nét, đa chiều, đa diện trong văn học dân gian người Việt.

**Từ khóa:** bà góa, đức hạnh, nạn nhân, nổi loạn, văn học dân gian.

## 1. Mở đầu

Góa là tình trạng hôn nhân trong đó một người “có chồng hoặc vợ đã chết” [1; 408]. Người Nam bộ phát âm là *hóa*, nghĩa là “tình trạng phụ nữ bị chết chồng” [2; 594]. Trong ngôn ngữ thường ngày, chúng ta sử dụng tính từ này cho cả hai giới nam và nữ. Cụ thể, người phụ nữ có chồng đã mất được gọi là góa phụ hay quả phụ góa chồng; người đàn ông có vợ đã mất thì gọi là quan phu hay góa vợ. Do vậy, cách định nghĩa của *Từ điển từ ngữ Nam bộ* là chưa bao quát hết. *Bà góa* là người phụ nữ có chồng đã mất và đang sống trong tình trạng độc thân. Tình trạng này chỉ chấm dứt khi họ *tái hôn* hợp pháp. Như vậy, xét về giới, bà góa thuộc nữ giới; xét về hành

trạng, nhân thân thì bà góa là người đã từng có chồng (có thể có con hoặc chưa) nhưng nay đang sống một mình.

Các truyện kể ít khi nói về nguyên nhân cái chết của người chồng, cũng là nguyên nhân của tình trạng góa. Về cơ bản chúng ta có thể đoán định người chồng chết vì hai nguyên nhân chính là do bệnh tật và đặc biệt là do chiến tranh. Bởi như chúng ta đã biết thì Việt Nam là đất nước thường xuyên phải đối mặt với chiến tranh, hết chiến tranh vệ quốc đến các cuộc nội chiến triền miên. Trong lá thư của Linh mục Horta, in trong *Aimé Martin (éd) 1843, Lettres e Idiffiantes et curieses*, có thông tin rằng: chỉ tính riêng năm 1671 có 17.000 lính Đàng Ngoài bị thiệt mạng trong cuộc nội chiến với Đàng Trong [3; 185]. Đó là chưa kể các cuộc chiến lớn nhỏ khác. Mới đây, nhà văn Bảo Ninh cho rằng: “Đoàn tàu ngày trước chở Bảo Ninh khi nhập ngũ là khoảng 500 người, nhưng sau chiến tranh quay về chỉ còn khoảng 50 người, rất ít người nguyên vẹn” [4]. Dương Hương, một nhà văn hiện đại Việt Nam đã hình tượng hóa thực trạng này bằng tên gọi đầy ám ảnh và cũng là tên của cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của ông *Bến không chồng*.

Là vấn đề của cả quốc gia, dân tộc và là câu chuyện trường kì lịch sử, do vậy, nhân vật bà góa cũng trở thành vấn đề của văn học nghệ thuật. Trong văn học viết, Phạm Văn Hưng, qua công trình *Văn hóa tính dục ở Việt Nam thế kỉ X – XIX* có nhắc đến kiểu nhân vật *tiết hạnh khả phong*; đây đó cũng có một vài bài viết phân tích nỗi niềm của bà góa Xuân Hương qua bài thơ *Khóc Tống Cốc*;... Với văn học dân gian, cách riêng là văn học dân gian người Việt, chúng tôi nhận thấy rằng nhân vật bà góa cũng được phản ánh trong các truyện kể thuộc thể loại truyền thuyết, cổ tích đến truyện cười, ca dao, tục ngữ,... Về ngữ liệu của bài viết, với thể loại truyền thuyết, chúng tôi sử dụng các thông tin trong công trình *Người anh hùng làng Dóng* của Cao Huy Đình. Đối với thể loại truyện cổ tích, chúng tôi sử dụng nguồn tham khảo chính là bộ *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* – tập 1 của Nguyễn Đông Chi. Với thể loại ca dao, chúng tôi sử dụng ngữ liệu trong công trình *Kho tàng ca dao người Việt* do Nguyễn Xuân Kính chủ biên. Còn với thể loại truyện cười, người viết chủ yếu khảo sát công trình *Truyện cười dân gian người Việt* của Nguyễn Chí Bền.

Đến nay, chúng tôi chưa thấy công trình, bài viết nào nghiên cứu về nhân vật bà góa trong văn học dân gian người Việt. Bằng cách sử dụng các phương pháp khảo sát, phân tích – tổng hợp và hướng tiếp cận liên ngành (văn học - văn hoá học, văn học - xã hội học), bài viết sẽ tìm hiểu về nhân vật bà góa trong văn học dân gian người Việt... để làm rõ bức chân dung của kiểu nhân vật này.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Nhân vật bà góa đức hạnh

Nhân vật bà góa xuất hiện đầu tiên trong thể loại truyền thuyết và cổ tích. Về *cơ sở xã hội*, phải đến khi xã hội kết thúc hình thái công xã nguyên thủy, bắt đầu hình thành gia đình phụ quyền thì mới có chuyện bà góa. Bởi trong xã hội nguyên thủy, xã hội loài người chưa có ý niệm về cha. Lúc này người nguyên thủy chỉ quan tâm đến người mẹ và những đứa con. Trong xã hội đó, người mẹ, người vợ nắm quyền hành, từ việc chủ động trong kết hôn, chăm sóc đứa trẻ đến việc lao động sản xuất. Truyền thuyết có nhiều truyện kể về các bà mẹ thụ thai do một lực lượng siêu nhiên nào đó. Nói theo cách của K. Marx, đây là quan hệ “có tính chất thần thoại”. Theo Cao Huy Đình, quan niệm này “bắt nguồn từ trong thị tộc mẫu hệ, lúc con người chỉ biết mẹ mà không biết cha” [5; 35]. Chẳng hạn đó là trường hợp anh em sinh đôi Dục và Cầm do bà mẹ mộng thấy rắn phủ mình mà đẻ ra trong cùng một bọc; hay đó là anh em Áp Tái và Khao Lao do mẹ nghèo hái củi đẻ ra trong bọc trứng [5; 34]; hoặc như trường hợp mẹ Dóng cũng được xem là thụ thai do ướm vào vết chân người khổng lồ;... Các bà mẹ có thể do hiếm muộn, hay do tuổi cao nên không có con. Nói chung, có thể có hay không có người cha xác phạm nhưng tác nhân làm cho người mẹ mang thai lại chính là một lực lượng siêu nhiên. Ở đây, người đàn bà có chồng mà cũng như...

góa, vì vai trò của người chồng rất mờ nhạt. Do đặc điểm thể loại truyền thuyết là đề cao nhân vật được sinh ra – người anh hùng của cộng đồng nên dân gian cũng thiêng hóa nguồn gốc của nhân vật bằng cách để người mẹ được thụ thai với lực lượng siêu nhiên.

Khi mầm mống của gia đình phụ quyền xuất hiện thì ý niệm về cha mới bắt đầu hình thành; cùng với đó là ý niệm về bà góa, ý niệm về con hoang cũng bắt đầu hình thành. Theo đó, xã hội thường có cái nhìn đầy thành kiến, khinh bỉ những người mẹ góa, con côi. Mẹ Dóng khi có mang đã bị dân làng nhiech móc và đuổi ra khỏi làng. Bà đau khổ, bỏ lên rừng Trại Nòn ở (tên cũ là thôn Phù Dực), rồi đẻ ra Ông Đổng hay Đổng dưới bóng cây trên một cái gò nổi giữa đầm. Bản kể của Cao Huy Đình không thấy nói về người chồng, người cha mà có chi tiết “tuổi đã già mà vẫn không con” [5; 14-15]. Điều này chứng tỏ rằng, mẹ Dóng đã có chồng nhưng nay không còn nữa. Do vậy, xếp mẹ Dóng vào kiểu nhân vật bà góa là có cơ sở. Cảm hiểu những thiệt thòi này, dân gian đã “thần thánh hóa người anh hùng con hoang và lí tưởng hóa người đàn bà bất hạnh đầu tiên trong xã hội đã chuyển sang chế độ phụ quyền” [5; 36]. Truyền thuyết *Sự tích bà Man Thiện* kể về thân mẫu của hai Bà Trưng, là một người mẹ giỏi võ nghệ, có chí khí và đức độ. Bà sớm góa chồng nên phải chăm lo nuôi dưỡng và dạy dỗ các con, ngầm nuôi chí lớn, đấu tranh giành lại giang sơn đất nước đang bị nhà Hán cai trị. Khi không chống cự nổi, bà gieo mình xuống sông tự vẫn. Như vậy, “cổ mẫu” về những bà góa đầu tiên cho thấy, họ là những người chịu nhiều thiệt thòi nhưng cũng đầy bản lĩnh và đức độ. Chính những bà góa này đã được khí thiêng non sông lựa chọn để qua họ sản sinh ra những anh hùng dân tộc như Thánh Dóng, Hai Bà Trưng, Đinh Tiên Hoàng, Lý Công Uẩn,... Mối quan hệ giữa người và lực lượng siêu nhiên tạo thành motif tiêu biểu trong thể loại truyền thuyết là “Sự ra đời thần kì”.

Truyện cổ tích ưu tiên phản ánh thân phận con người, lí giải những vấn đề, những mâu thuẫn của đời sống gia đình, những hiện tượng xung đột của xã hội, để qua đó gửi gắm những bài học luân lí. Thể loại này có ít nhất hai truyện có sự xuất hiện của nhân vật bà góa. Đó là trường hợp hai mẹ con bà góa trong truyện *Sự tích hồ Ba Bể* và *Sự tích trái sầu riêng*. Truyện *Sự tích trái sầu riêng* kể về hai mẹ con đi dâng hương trên núi, về đến đây thì con bị ốm nặng. Truyện không kể nhiều về nhân vật bà góa nhưng qua chi tiết thường xuyên đi dâng hương, rồi chi tiết được Phật báo mộng về tình duyên của con gái bà và chàng trai trẻ tuổi vùng Đồng Nai [6; 107] cũng cho thấy bà là người đạo hạnh, là một tín đồ Phật giáo thuần thành. Thể hiện rõ nét hơn cả là nhân vật bà góa trong *Sự tích hồ Ba Bể*. Bà là người có tấm lòng nhân ái, quảng đại. Mẹ con bà đã đón nhận và giúp đỡ người ăn xin thân thể gầy còm, lở loét với đầy mùi hôi thối một cách thật lòng, chân thành. Trong khi đó, cả làng Năm Mẫu miệng thì “thờ Phật mà kì thực là buôn Phật” [6; 245]. Câu chuyện mang đậm tính nhân văn, là một bài học về tình yêu thương đồng loại. Câu chuyện *Sự tích hồ Ba Bể* muốn ca ngợi những con người có lòng nhân ái, sẵn sàng giúp đỡ, cứu mang những người nghèo khổ, hoạn nạn. Nhân vật bà góa – kẻ vốn chịu nhiều sự dè bieu của người đời, đã được dân gian “chọn mặt” để kí gửi những bài học đầy tính nhân văn của họ. Kinh Thánh cũng kể khá nhiều câu chuyện liên quan đến bà góa như trường hợp bà góa nghèo thành Sarepta đang lâm cảnh đói khát nhưng vẫn quảng đại nhường phần bánh của mình cho vị khách qua đường là tiên tri Êlia. Thái độ của bà góa thành Sarepta làm chúng ta liên tưởng tới một bà góa khác mà Chúa Giêsu nói tới trong *Tin Mừng Marcô*. Đó là bà góa nghèo bỏ hai đồng tiền là một phần tư xu vào đền thờ. Thấu cảm tấm lòng của bà, Chúa Giêsu tuyên bố: “Với hai đồng tiền, bà góa nghèo này đã bỏ nhiều hơn hết” [7; 1296].

Một cách nào đó, chúng ta có thể hiểu rằng bà góa là người có chồng nhưng *đi mãi, không về*. Như vậy, cũng có thể xếp một số truyện cổ tích mà người vợ còn chồng nhưng cứ ngỡ rằng chồng mình đã chết vào nhóm này. Với cách hiểu đó, chúng ta xem các truyện cổ tích *Sự tích hòn Vọng Phu*, *Sự tích ông đầu rau* và *Trình phụ hai chồng* có sự xuất hiện dạng *bà góa đặc biệt*. Hai truyện *Sự tích ông đầu rau* và *Trình phụ hai chồng* đều có điểm chung là vợ chồng gặp con gia biến (nạn đói hay bệnh tật), rồi phải chia tay nhau. Sau ba năm chờ đợi, tưởng chồng đã chết, người vợ để tang chồng trong ba năm. Như vậy, tính cả ba năm chờ đợi và ba năm để tang, người

vợ đã đợi chờ chồng mình hơn sáu năm. Sau thời gian đó, với sự đồng lòng và đốc thúc của những người thân, người vợ mới tái giá. Sự trung trinh, thủy chung của người vợ quả là đáng trân trọng. Chính vì thế, dân gian đã xem nhân vật *bà góa đặc biệt* là “hiếm có” [6; 210], được dân gian thờ cúng, được xem là *trinh phụ* - dù cưới hai chồng, và cả hai còn sống. Từ khi phát hiện ra người vợ chính là em ruột của mình, người chồng trong *Sự tích hòn Vọng Phu* đã âm thầm tìm cách rời khỏi nhà mình. Người vợ không biết mối quan hệ ruột thịt giữa mình với anh trai nên vẫn âm thầm chờ đợi... đợi chờ đến nổi hóa đá, như một tượng đài. Khoan bàn đến dấu vết loạn luân trong câu chuyện, chúng ta vẫn thấy ngời lên hình ảnh một người vợ thủy chung, mãi đợi chờ chồng, dù là vô vọng, xa xăm.

Như vậy, nhân vật bà góa xuất hiện không nhiều trong truyện truyền thuyết và truyện cổ tích. Trong truyền thuyết, nhân vật bà góa ít nhiều mang dấu vết của sự chuyển tiếp từ hình thái công xã thị tộc mẫu hệ sang công xã thị tộc phụ quyền. Nhân vật bà góa thường thụ thai với một lực lượng siêu nhiên để sinh thành nên những anh hùng dân tộc. Nhân vật bà góa trong cả hai thể loại đều xuất hiện trong vai một người hiền lành, đức độ và thủy chung.

## 2.2. Nhân vật bà góa yếu đuối, nạn nhân của những thành kiến

Trong lễ giáo phong kiến, người phụ nữ bị trói buộc vào quan niệm “xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”. Cả đời người phụ nữ phải luôn sống và tuân giữ chữ tòng – theo người khác, không được sống cho chính mình. Đào Duy Anh cho rằng: “Theo luân lí tam cương ngũ thường thì đàn bà nào cũng phải tùy thuộc đàn ông... suốt đời là kẻ *vị thành nhân* phải dựa vào một người đàn ông làm chủ chốt, chứ không bao giờ được độc lập” [8; 120 – 121]. Do vậy, bà góa được xem là biểu tượng về những người nhỏ bé, lấm giới hạn, kém may mắn, ít khả năng, nghèo khó, bị bỏ rơi, cô đơn, không có địa vị trong xã hội. Trong một vài trường hợp, số phận kẻ góa chồng cũng tìm được sự đồng điệu, thương yêu từ những chàng trai bao dung, quảng đại:

- Lòng đây ảo não tâm tình

*Thấy em ở góa một mình, anh thương*

*Lênh đênh chiếc lá giữa dòng*

*Thương thân góa bụa phòng không lỡ thì.*

- Chiều chiều ra đứng bờ kinh

*Gặp ai ở góa anh rình về nhà/*

Xét về mặt thể lí, so với nam giới, người nữ là kẻ *chân yếu tay mềm*. Đến như chàng trai khi làm rể bà góa cũng có chút *tự đắc, kênh kiệu* vì giúp được nhiều việc cho nhạc mẫu. Dân gian cho rằng: *Chêm chệ như rể bà góa* là vậy! Nhiều truyện cười dân gian như truyện *Tình tang*, *Tui đóii lấm rồi*, *Ai biểu chị sui ngoắc tui*,... đều kể rằng: bà góa là nạn nhân của những trò *quấy rối tình dục*. Truyện *Ai biểu chị sui ngoắc tui* kể về bà góa bị anh sui ôm nhầm. Truyện *Tui đóii lấm rồi* kể về người đàn bà góa chồng “còn trẻ có nhan sắc”, bị ông thầy đồ dạy con chị, tán tỉnh, quấy rầy. Ở đây, nhan sắc – một thể mạnh giới tính – lại trở thành chướng ngại vật lớn nhất đối với họ trên con đường thủ tiết. Trong thời phong kiến ở Việt Nam, nhan sắc cũng chính là nguy cơ khiến bà góa bị đẩy đến hành vi *tuân tiết*. Theo Phạm Văn Hưng: “Đối với người phụ nữ muốn bảo vệ trinh tiết, nhan sắc rõ ràng đã được các sử gia nhìn nhận như một duyên cớ gây ra bao phiền toái đến từ bên ngoài, nhưng cũng vì những phiền toái đó mà họ có dịp thể hiện bản lĩnh của mình. Việc họ ẩn mình trong mọi mối quan hệ xã hội hay thái độ của họ đối với nhan sắc đã được các sử gia đặc biệt quan tâm” [9; 104].

Đã yếu về mặt sức vóc, đã thấp kém về địa vị, họ lại chính là nạn nhân của pháp luật. Pháp luật Việt Nam thời phong kiến không cấm chuyện tái giá nhưng khi chồng chết, người vợ phải để tang chồng trong ba năm. Trong bấy nhiêu năm, người vợ góa chồng phải sống lênh đênh, đơn chiếc giữa đời, như chiếc lá giữa dòng đời nhiều sóng gió, lấm thị phi:

*Lênh đênh chiếc lá giữa dòng  
Thương thân góa bụa phòng không lỡ thì  
Gió đưa trúc ngã mai quy  
Ba năm thủ tiết còn gì là xuân.*

Không chỉ đảm đang trong chuyện nội trợ, chuyện đồng áng, Bonifacy cho rằng phụ nữ Việt Nam “giỏi buôn bán và làm rất nhiều nghề mà ở những nơi khác chỉ dành riêng cho nam giới” [3; 131]. Tuy là người đảm đang, có rất nhiều đóng góp trong việc xây dựng cơ ngơi nhà chồng nhưng khi *tái giá*, người phụ nữ lại trở thành một người *vô sản* đúng nghĩa. *Quốc triều Hồng Đức* quy định gọn và rõ: “Đàn bà tái giá không được giữ điền sản” [10; 339]. Hay nói cách khác, khi tái giá, người phụ nữ bị “trần lột” toàn bộ tài sản, mà trong đó có sự góp công của mình rất nhiều. Quy định cho thấy sự bất công, sự nhẫn tâm đối với người phụ nữ - nhất là với những phụ nữ góa chồng. Bị cướp mất công, mất của đã là niềm đau nhưng người làm ra của, người còn thì của còn. Việc pháp luật xóa luôn *tư cách làm mẹ* còn đau xót đến ngàn lần. *Thiên Nam dư hạ tập* quy định: Mẹ đẻ đã đi lấy chồng thì khi mất, con cái không có phép để tang. Thực ra, những quy định này có nguồn gốc từ *Kinh lễ*, khi Nho giáo quy định “mẹ đi lấy chồng không phải để tang” [11; 272]. Trong văn hóa người Việt, khi người quá cố qua đời, người thân thường chịu tang để tưởng niệm đến ông bà, cha mẹ - những người có công sinh thành, dưỡng dục cũng như thể hiện sự đau thương, tiếc nuối cho sự mất mát. Tinh mẫu tử là thiêng liêng, cao cả. *Nghĩa tử là nghĩa tận*. Vậy mà pháp luật phong kiến đã gạt bỏ những quan hệ linh thiêng này!

Không chỉ chịu những “bùa vây” từ pháp luật và những thiệt thòi về giới, nhân vật bà góa còn phải chịu nhiều điều tiếng, những thị phi từ bia miệng, từ những định kiến, thành kiến của người đời. Khi nhắc về bia miệng, ca dao người Việt có câu rằng: *Trăm năm bia đá vẫn mòn/ Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*. Đá vốn được xem là cứng – *cứng như đá*, mà vẫn mòn, vẫn không sánh được với bia miệng: ngàn năm vẫn còn trơ trơ. Sự so sánh này cho thấy những thành kiến, những thị phi của người đời thật đáng sợ. Chúng ta gặp nhiều câu tục ngữ mang tính “ngại án” như: *Đánh ghen gái góa/ Cấm nêu ruộng chùa*. Ngày xưa, những thửa ruộng đang bị tranh chấp hay bị thiếu thuế, thường bị cấm cây nêu để báo cho mọi người biết và không ai được mua lúa, gặt hái. Cũng tương tự vậy, trong quan niệm dân gian, đàn bà góa lăng nhăng, lăng lơ là chuyện thường tình, đánh ghen chỉ tỏ vừa nhọc lòng vừa xấu mặt; còn nhà chùa thì thanh bản, cấm nêu trưng thu ruộng thì cũng chẳng đi đến đâu mà còn mang tội với trời Phật. Câu tục ngữ trên có ý nghĩa như câu *Năm thặng có tóc chẳng ai nắm thặng trọc đầu*. Vì được xem là thành phần “bất hảo” nên dân gian quả quyết: *Chết đói không gõ cửa nhà góa phụ*. Dân gian cho rằng, một người đàn ông đứng trước nhà một bà góa thì sẽ phải chịu nhiều thị phi, phiền phức, tai tiếng.

Trong quan niệm vốn rất hà khắc của lễ giáo phong kiến, họ không ủng hộ bà góa tái giá. Dân gian cho rằng: *Gái khôn tránh khỏi đồ đưa*. Theo đó, người nữ được xem là khôn, là đoan chính khi chỉ một lần cưới chồng. Không những thế, họ còn biểu dương những bà góa trung trinh thờ chồng để nhận bằng vàng *tiết hạnh khả phong*. Thời vua Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, Lê Thánh Tông việc nêu khen những tấm gương hiếu đễ, tiết nghĩa được coi trọng. Triều đình ban chiếu lệnh: Nếu có những người liệt nữ, giữ tiết hạnh thờ chồng đều phải tâu báo kịp thời để nêu khen. Thời nhà Nguyễn, dưới thời Tự Đức, năm 1848, triều đình bắt đầu định niên hạn cho những đàn bà thủ tiết: “Tiết phụ nào từ 25 tuổi trở xuống, góa chồng sớm mà giữ tiết, thì mới được ghi vào sách tâu lên; từ 26 tuổi trở lên, thì không chuẩn cho làm danh sách tâu lên nữa, để có định lệ” [12; 77-78]. Dưới thời Nguyễn, hệ thống nhân vật có liên quan đến vấn đề *trinh tháo* (trinh nữ, tiết phụ, liệt nữ) thường được gọi chung là “tiết phụ”. Insun Yu cho rằng: “Sau khi đoạn tang, pháp luật vẫn khuyến khích người đàn bà góa tiếp tục ở vậy, bằng nhiều cách ban thưởng – cấp cho ruộng đất hoặc dựng cho một công trình tưởng niệm lòng chung thủy của họ” [13; 101]. Trong trường hợp có tái giá, dân gian khuyến cáo bà góa phải tìm những người cùng cảnh, đã qua một đời vợ hay nói hình tượng hơn chút là *nồi nào úp vung đó*. Với người con trai, dân gian khuyên mà như “chỉ thị”: *Trai tơ thì lấy gái tơ/ Đi đâu lật đật mà vợ lại dòng/ Lại dòng là lại dòng non/*

*Trai tơ chết hụt vì con lại dòng* hay nặng hơn là: *Gái khôn tránh khỏi đồ đưa/ Trai khôn tránh khỏi vợ thừa người ta*. Dân gian xem trai tân lấy gái góa là cưới “vợ thừa người ta”. Vợ thừa cũng như cơm thừa, canh cặn vậy, thường là đồ bỏ đi, có ít giá trị. Không chỉ vậy, dân gian còn có cách quy kết, phán xét bằng những lời ví von bóng bẩy nhưng cũng rất đanh thép rằng:

*Trai tơ lấy gái góa chồng  
Như mua nồi đồng đem nấu cám heo*

Cám heo, còn gọi là cám lợn, là thức ăn của heo. Cám heo được nấu từ các nguyên liệu như cơm thừa, canh cặn, cám gạo, ngô,... với các loại rau như bèo, khoai lang, chuối cây xắt nhỏ,... Nồi đồng là đồ gia dụng quý của các gia đình ngày xưa, được dùng để nấu bánh vào các dịp lễ, tết, đám cưới, đám hỏi... chí ít nữa thì cũng phải là: *Nồi đồng thổi gạo tám xoan/Mở ra cơm trắng thơm vang cả nhà*. Gạo tám xoan được nhắc trong bài ca dao là một thương hiệu gạo nổi tiếng của vùng Hải Hậu, Nam Định. Gạo này có đặc điểm: hạt gạo hơi dài, thon nhỏ và vẹo một đầu; hạt có màu trong xanh; mùi thơm dịu, tự nhiên và đặc trưng. Trong thời phong kiến, sản vật này được dùng để cung tiến triều đình, để tiến vua. Có phân tích như vậy mới hiểu được thành kiến, định kiến của dân gian qua cách ví von trên. Nói chung, theo dân gian thì trai tân mà lấy gái góa là một chuyện *tréo ngoe, ngớ ngẩn, đại đột* như việc dùng nồi đồng để nấu cám heo vậy. Do vậy, theo họ thì sự kết hợp này không tương xứng, khó mang lại hạnh phúc: *Trai tân lấy gái nạ dòng/ Cơm chan nước lạnh, mặn nồng gì đâu*. Còn ngược lại, về phía bà góa nếu cưới trai tơ được xem là một niềm vui. Dân gian ví von: *Nạ dòng lấy được trai tơ/ Đêm nằm hí hửng như mơ được vàng*. *Đại từ điển tiếng Việt* định nghĩa “nạ dòng” là từ chỉ người đàn bà đã từng có chồng và đứng tuổi. Đây là từ dùng với hàm ý coi thường, để ví von những người phụ nữ góa chồng hoặc đã qua một đời chồng ở thời phong kiến. Đặng Trần Côn trong *Chinh phụ ngâm* có hai câu thơ minh định rõ hơn về từ này: *Nghĩ mệnh bạc, tiếc niên hoa/ Gái tơ mảy chốc đã ra nạ dòng*.

Như vậy, trong quan niệm của dân gian, nhân vật bà góa được xem là người yếu đuối – cả về thể lý lẫn tinh thần; yếu đuối vì đã mất, đã thiếu một chỗ dựa tinh thần là người chồng. Do vậy, họ cũng chính là đối tượng, là “món mồi ngon” cho các tay háo sắc, đăm mê sắc dục. Không những thế, họ còn bị pháp luật tước đi những quyền cơ bản là *thừa kế tài sản* và *tư cách làm mẹ*. Cùng với đó, nhân vật bà góa còn phải chịu thành kiến, định kiến mang tính quy kết, phán xét từ bìa miệng của người đời.

### 2.3. Nhân vật bà góa “nổi loạn”

Ý thức được thân phận của mình là *chân yếu tay mềm*, và do phải chịu nhiều bất công, lại bị kìm hãm trong một thời gian dài, nên nhân vật bà góa đã có những “nổi loạn” để chứng minh giá trị của họ, để đòi hỏi quyền bình đẳng.

Trước hết, nhân vật bà góa nổi loạn để chứng minh rằng: mình tuy là gái góa, là gái nạ dòng nhưng vẫn còn *tràn đầy sức sống*. Hay nói chính xác hơn là tuy đã đứng tuổi, tuy đã qua một lần đồ, nhan sắc ít nhiều bị “hư hao” bởi thời gian và gia cảnh (*Bây giờ nhạt phách phai son/Gương soi kém tỏ người giòn kém tươi*), nhưng do biết ý thức, biết lượng sức nên bà góa đã biết cách “khắc phục” điểm yếu của mình bằng cách làm mới nó:

*Cau già dao sắc lại non  
Nạ dòng trang điểm lại giòn như xưa*

Các từ điển như *Từ điển Việt - Pháp* của J.F.M Génibrel, *Từ điển tiếng Việt* của Văn Tân, *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên),... đều giải thích người giòn với ý nghĩa là người đẹp, xinh đẹp và có duyên, có vẻ đẹp khỏe mạnh. *Giòn như xưa* là một lời tuyên bố đầy tự tin, là lời “tuyên chiến” cho những ai nghĩ rằng, chồng chết là hết, là “gái ba mươi tuổi đã toan về già”. Vì biết rõ lợi thế của mình, họ tuyên bố: *Nạ dòng như gỗ ngâm ao/ Vớt lên sáng chói như sao trên trời*. Ngày xưa, khi chưa có các phương pháp xử lý gỗ hiện đại bằng hóa chất hoặc máy móc, trước khi sử dụng, cha ông ta hay đem gỗ ngâm dưới ao, hồ, sông để tránh mối, mọt cũng như góp phần hạn chế tình trạng cong vênh, co ngót, nứt nẻ của miếng gỗ. Nói chung, sau khi xử lý, miếng gỗ

sẽ có chất lượng và có giá trị hơn. So sánh miếng gỗ ngâm ao với *nạ dòng* cũng chính là một cách “nổi loạn” để dân gian chứng thực giá trị của gái *nạ dòng* vậy. Lê Minh Quốc còn nhận thấy thế mạnh của nhân vật bà góa ở chuyện *kinh nghiệm phong the*. Bởi “khi chàng trai mới lớn còn lơ mơ chần gỏi nợ kia thì *nạ dòng* đã thừa kinh nghiệm. Nếu không, sức mấy họ dám táo tợn tán tỉnh: *Mạ úa cấy lúa chóng xanh/ Gái dòng chóng đẻ sao anh hững hờ?*” [14].

Biểu hiện nổi loạn thứ hai là *cách phản ứng* của bà góa trước các “thế lực thù địch”. Là người cô thân, cô thế nên bà góa được xem là kẻ dễ bị tổn thương, dễ bị dụ dỗ. Chính vì thế, có khi nhân vật phản ứng bằng cách gồng mình cho ra vẻ mạnh mẽ. Trong tình thế này, *chửi, cãi chày cãi cối* cũng là một lựa chọn *khả dĩ*. Truyện *Chọn trưởng tràng* kể chuyện thầy đồ đổ học trò ai làm cho bà góa hàng xóm nổi đóa sẽ cho làm trưởng tràng. Một tối trời mưa rét, anh học trò lớn tuổi đến nhà bà góa xin “chung hơi” – sưởi ấm. Đói thì anh xin mượn cái “sấp ngứa” – nồi nấu cơm. Cơm sôi thì mượn cái “ngó ngoáy”... Ra về, anh ngồi “bình” một bãi ra trước cửa. Bà chửi anh học trò, chửi luôn thầy. Cứ tưởng bà góa yếu đuối, dễ bắt nạt, nào ngờ thầy trò phải nhận một trận chửi rủa từ nhân vật này. Đáng đời thầy trò! Truyện *Cái ấy của làng* kể về bà góa chồng mà chửa, lí trưởng bắt phạt một con lợn, hai thúng xôi, mười chai rượu. Bà cãi: “cái ấy của tôi, tôi có quyền dùng, can gì đến làng mà làng bắt vạ với tôi”. Lí trưởng nói bà “làm hại đến phong hóa của làng”. Bà nói “vậy ra cái ấy của làng, làm hại đến phong hóa của làng”. Lần sau tái phạm, bà bắt lí “cái ấy của làng; đã là của làng thì có ông Lí và các ông Hương giữ, can gì đến tôi mà bắt lỗi tôi” [15; 340]. Xét về lí và căn cứ vào luật, lẽ thì bà góa là kẻ sai phạm. Tuy vậy, đặt trong bối cảnh của một xã hội *trọng nam khinh nữ*, truyện là một minh chứng cho thấy sự *phản kháng* để đòi quyền sống chính đáng của nhiều bà góa mà tuổi xuân còn phơi phới. Truyện cũng gợi nhắc về câu ca dao: *Lẳng lơ chết cũng ra ma/ Chính chuyên chết cũng kiêng ra ngoài dòng* hay câu: *Lẳng lơ thì cũng chẳng mòn/ Chính chuyên cũng chẳng son son để thờ*. Ngoài truyện kể về cách phản ứng mang tính “hạ sách”, còn có khá nhiều truyện như *Tui đôi lăm rồi*, *Chánh tổng phải đón*,... kể về cách phản ứng “thượng sách” hơn là dùng mưu trí. Truyện *Tui đôi lăm rồi* kể về người đàn bà góa chồng. Ông thầy đồ muốn ve bà góa nhưng không có cách gì nên mỗi khi gọi thằng nhỏ trả bài ông hay chửi: “Đ... mẹ mày”. Sau bị bà góa này chơi cho một vố: mời thầy đến nhà nhậu rồi dàn cảnh có khách đến, sau đó chỉ cho thầy nằm trong cái vại để trốn đến chiều, đôi meo. Trong truyện *Chánh tổng phải đón* thì nạn nhân của mưu kế của bà góa là chính lão chánh tổng háo sắc.

Biểu hiện nổi loạn thứ ba là *dám thể hiện nhu cầu tình dục* của mình. Đã chấp nhận *xuất giá tòng phu* là một hy sinh, một sự cam chịu. Chẳng may khi chồng chết sớm, lễ giáo phong kiến cũng yêu cầu người phụ nữ phải tiếp tục ở vậy để thờ chồng, để chăm lo cho con cái. Chính sử Việt Nam thường nêu khen những người phụ nữ *tiết nghĩa, trinh liệt*. Nhận thấy sự bất nhân của nếp sống trên, dân gian *phản phong* bằng tiếng cười nửa đùa, nửa thật. Truyện *Đưa ma chồng* kể về bà nọ đang đưa tang chồng. Thấy hai con chó “đang làm trò sinh lí” mà chó cái quá thấp, bà ta vừa khóc vừa nói: “Hạ xuống, hạ xuống sau xuống”. Mấy người kiêng quan tài tưởng nhắc mình, hạ phía sau xuống cho cân. Nhưng rồi lại nghe bà ta cũng vừa khóc vừa nói: “Hắn trật rồi tề! Hắn trật rồi tề”. Mấy người kia lập tức hạ xuống làm linh cữu bị nghiêng đổ [16; 370]. Việc tang lễ cho chồng chưa xong mà lòng trí của người vợ đã tơ tưởng chuyện gỏi chẵn rồi. Truyện làm chúng ta liên tưởng đến bài ca dao trào phúng: *Chồng chết thì chưa đoạn tang/ Cái l... ngập ngập như mang cá mè*. Khảo sát cho thấy có nhiều nhân vật bà góa trong truyện cười đã không cam chịu, không chấp nhận việc thủ tiết thờ chồng. Truyện *Tình tang* kể về diễn tiến này. Truyện kể về một bà góa chồng ở cạnh hàng xóm chưa vợ tên Tình. Một đêm anh hàng xóm lên vào buồng để ngiêng bà xuống. Bà này vừa chống cự vừa kêu: “Tình ơi tao vẫn còn tang”. Anh kia cứ làm liều. Bà chỉ còn kêu được: “Tình ơi, tang ơi! Tình ơi, tang ơi!”. Và cuối cùng thì thấy bà kêu như gậy đàn: “Tình tang... Tình là... là tình tang... tính” [17; 82]. Theo quy định, người vợ phải để tang chồng trong ba năm mới được lấy chồng khác. Truyện ban đầu kể về những phản ứng của bà góa, tức những dấu hiệu cho thấy việc tuân thủ theo lễ giáo nhưng sau đó dần dần biến chuyển thành đồng

thuận với anh hàng xóm tên Tinh. Dân gian dùng tiếng cười để bày tỏ sự ủng hộ, bày tỏ sự phản ứng của mình.

Đây là lời nhắn nhủ, cũng là nhu cầu của người quả phụ chưa đoạn tang chồng: *Ai ơi đợi với tôi cùng/ Tôi còn đốt mã cho chồng tôi đây/ Chồng tôi mới được ba ngày/ Ai ơi có đợi tôi rày hay không*. Còn đây là nỗi niềm của người phụ nữ vừa đoạn tang chồng: *Đàn bà chồng chết ba năm/ Được một cái đũa sướng rân thảng tròn*. Trong một số truyện cười khác, *tái giá* không những không xem là chuyện cảm kị, không chỉ là chuyện của người còn trẻ, mà đôi khi còn là chuyện của những bà góa đã toan về già. Truyện *Cẩn rằng mà chịu* kể về mẹ chồng và con dâu đều góa bụa. Mẹ dặn con dâu: “Số mẹ con mình rủi ro, thôi thì phải cẩn rằng mà chịu”. Đến khi mẹ chồng có tình nhân, con dâu nhắc lời dạy ấy thì mẹ trả lời: “Mẹ dặn là dặn con chứ mẹ còn rằng đâu nữa mà cẩn” [15; 358]. Câu chuyện này gợi nhắc đến bài ca dao: *Mẹ ơi con muốn lấy chồng/ Con ơi, mẹ cũng một lòng như con* hay là *Bà già đi chợ cầu Đông/Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?/ Thầy bói xem quẻ nói rằng/ Lợi thì có lợi, nhưng rằng không còn*. Truyện là thông điệp mạnh mẽ về quyền sống với những thú vui chính đáng của người phụ nữ - điều mà đã đang bị lễ giáo phong kiến kìm nén, chôn vùi.

Như vậy, có thể do bị dồn nén và ức chế kéo dài, luôn bị xem như là kẻ bị động trong chuyện tính dục nên dân gian đã sáng tạo những truyện cười, bài ca dao trào phúng như là cách để cho các nhân vật phản kháng, tuyên chiến với thể giới *duy dương vật* (phallocentrism), là sự thể hiện sự giải phóng khỏi những ản ức, sự thăng hoa của mình. Theo Đỗ Lai Thúy, biểu hiện trên được xem như là “phương tiện để giải tỏa ‘ấn ức’ tính dục của người nông dân, bởi vì họ phải sống trong một môi trường nhiều cảm đoán của nho giáo, bởi họ không đủ tiền bạc và uy thế để hưởng cảnh năm thê bảy thiếp, hoặc phải chịu cảnh ‘kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lòng’” [17; 18].

### 3. Kết luận

Những khảo sát trên cho thấy rằng nhân vật bà góa được phản ánh khá nhiều trong văn học dân gian người Việt. Nhân vật bà góa mang tính “cổ mẫu” trong thể loại truyền thuyết và cổ tích. Trong truyền thuyết, nhân vật bà góa thường thụ thai với một lực lượng siêu nhiên để sinh thành nên những anh hùng dân tộc. Nhân vật bà góa trong cả hai thể loại đều xuất hiện trong vai một người hiền lành, đức độ và thủy chung. Hình ảnh bà góa xuất hiện nhiều hơn cả trong vai một người yếu đuối – cả về thể lí lẫn tinh thần. Họ là nạn nhân của các tay háo sắc, đăm mê sắc dục. Họ bị pháp luật tước đi quyền *thừa kế tài sản* và *tu cách làm mẹ*. Cùng với đó, nhân vật bà góa còn phải chịu thành kiến, định kiến mang tính quy kết, phán xét từ bia miệng của người đời. Ở phía ngược lại, do bị dồn nén và ức chế kéo dài, dân gian cũng cho thấy có nhiều nhân vật bà góa nổi loạn, dám sống thật với những ham muốn tính dục của mình. Điều này ít nhiều thể hiện ý thức nữ quyền của kiểu nhân vật này. Như vậy, nhân vật bà góa đã được dân gian khắc họa khá rõ nét, đa chiều, đa diện trong văn học dân gian.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] H Phê (chủ biên), (2003). *Từ điển tiếng Việt* – in lần thứ bảy. NXB Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học.
- [2] HC Tín (biên soạn), (2007). *Từ điển từ ngữ Nam bộ*. NXB Khoa học Xã hội, Tp Hồ Chí Minh.
- [3] NT Hỷ tuyển dịch, giới thiệu và bổ chú, (2020). *Việt Nam thế kỉ XVII – XIX (qua các nguồn tư liệu phương Tây)*. NXB Khoa học Xã hội và MaiHaBooks.
- [4] HT Vân, (2023). Báo Ninh: Cuốn 'Nỗi buồn chiến tranh' không thể chữa lành cho tôi, <https://vnexpress.net/bao-ninh-cuon-noi-buon-chien-tranh-khong-the-chua-lanh-cho-toi-4677660.html>



- [5] CH Đình, (2015). *Người anh hùng làng Dóng*. NXB Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
- [6] NB Chi, (2000). *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 1. NXB Giáo dục, Tp Hồ Chí Minh.
- [7] Tòa Tổng Giám mục Tp. Hồ Chí Minh, (1999). *Kinh Thánh trọn bộ - Cựu ước và Tân ước*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8] ĐD Anh, (1998). *Việt Nam văn hóa sử cương*. NXB Tổng hợp Đồng Tháp, Đồng Tháp.
- [9] PV Hưng, (2019). *Văn hóa tính dục ở Việt Nam thế kỉ X – XIX*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [10] NN Nhuận. (chủ biên), (2011b). *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại – tập II*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [11] NN Nhuận. (chủ biên), (2011a). *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại – tập I*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [12] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2006). *Đại Nam thực lục*, tập VII, Nguyễn Ngọc Tỉnh – Ngô Hữu Tạo – Phạm Huy Giu – Nguyễn Thế Đạt – Đỗ Mộng Khương – Trương Văn Chính – Nguyễn Danh Chiên dịch, Cao Huy Giu – Nguyễn Trọng Hàn hiệu đính, Tái bản. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [13] Insun Y, (2023). *Luật và xã hội Việt Nam thế kỉ XVII-XVIII*, Nguyễn Quang Ngọc dịch. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [14] LM Quốc, (2020). Chuyện nợ xọ chuyện kia... <https://cand.com.vn/Nhan-dam/Chuyen-no-xo-chuyen-kia-i566374/>
- [15] NC Bền (chủ biên), (2014a). *Truyện cười dân gian người Việt - quyển 1*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [16] NC Bền (chủ biên), (2014b). *Truyện cười dân gian người Việt - quyển 2*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [17] NC Bền (chủ biên), (2009). *Truyện cười – quyển 3*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [18] ĐL Thúy (1999). *Từ cái nhìn văn hóa*. NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.